

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **191/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/4/2021

V/v: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Hoa Kiều**

**2. Ông Trương Hoàng Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* ông **Dương Văn Nguyễn** Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 651/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Lâm Thị A**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

**2. Bị đơn:** **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn Lâm Thị A trình bày:* chị và anh B qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới vào năm 2011. Anh, chị có đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25 ngày 01/3/2013. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm nguyên nhân anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mất dần tình cảm, vợ chồng chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm và đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: vợ chồng chị có một con chung tên Nguyễn Thanh C, sinh ngày 16/9/2011, hiện con đang sống cùng anh B. Khi ly hôn, chị đồng ý giao anh B được trực tiếp nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng chị sẽ tự phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung.

Do bận việc gia đình, điều kiện đi lại khó khăn nên chị xin vắng mặt không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

**\* *Tại bản tự khai, bị đơn Nguyễn Thanh B trình bày:*** anh và chị A tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới vào năm 2011, có đăng lý kết hôn và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 01/3/2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2018 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hạnh phúc và vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng.

Anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên anh xin vắng mặt không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

**\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: nguyên đơn Lâm Thị A và bị đơn Nguyễn Thanh B cùng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới vào năm 2011. Ngày 01/3/2013, anh, chị có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền 01/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị A xin ly hôn với anh B, anh B cư trú tại ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn" thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng anh B, chị A không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm dẫn đến chị A xin ly hôn. Anh B cũng đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với chị A, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị A xin ly hôn là phù hợp Điều 51 và anh B, chị A cùng thuận tình ly hôn là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về con chung: anh B, chị A có một con chung tên Nguyễn Thanh C, sinh ngày 16/9/2011, hiện đang sống cùng anh B. Chị A đồng ý để anh B được trực tiếp nuôi con và chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Nguyễn Thanh C hiện đang sống ổn định cùng anh B, hơn nữa cháu C cũng có nguyện vọng được sống cùng anh B; chị A đồng ý để anh B được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho cháu C có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh B được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp điều kiện chăm sóc, hoàn cảnh cuộc sống của các bên và phù hợp quy định của pháp luật.

Anh B không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày vợ chồng không có nợ chung và sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B trình bày vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì thế Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp tài sản chung sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị A và anh B có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị A**

**1. Về hôn nhân:** Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Lâm Thị A.

#### **2. Về con chung:**

Anh Nguyễn Thanh B được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thanh C, sinh ngày 16/9/2011;

Anh Nguyễn Thanh B không yêu cầu chị Lâm Thị A cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

#### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Lâm Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004494 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí.

**4.** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị A và anh B có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Phạm Văn Tài**



